

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 23/9/2017

“V/v: Ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung.**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Huỳnh Thị Hồng**

2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quang Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: **Ông Huỳnh Tấn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, về việc: “*Ly hôn, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST – HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1967;

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1968;

Đều có nơi cư trú: xóm 2, thôn P, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đ. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh D theo Quyết định số 509/QĐ-HĐTV-PV, ngày 19/6/2014, về việc ủy quyền thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật.

Đại diện Ngân hàng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Anh Ngô Văn S, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: xóm 2, thôn P, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn C có quan hệ sống chung như vợ chồng từ 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng giữa ông bà không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, giữa ông bà có được 04 người con chung, gồm:

Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1988;

Ngô Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1992;

Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1992;

Ngô Thị N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1995;

Nguyên nhân bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Văn C là do từ năm 2010 đến nay, ông C đã nhiều lần đánh đập, hành hạ bà, chửi mắng con cái và ông có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mỗi lần ông đi biển về là uống rượu, bà và các con có nói thì ông đánh, đuổi ra khỏi nhà, có những lần ông đánh bà phải nhập viện điều trị. Việc ông C có hành vi bạo lực gia đình đã bị chính quyền địa phương nhắc nhở nhiều lần, đã bị Công an xã răn đe, xử phạt vi phạm hành chính, ông cam kết không tái phạm nhưng không thay đổi mà vẫn tiếp tục đánh đập bà.

Sau khi Tòa án triệu tập ông đến làm việc thì khi về đến nhà, ông đã tìm bà để đánh, phải nhờ sự can ngăn của mọi người bà mới chạy thoát được. Bà đã nhiều lần gửi đơn đến các cấp chính quyền để yêu cầu xử lý đối với hành vi bạo lực gia đình của ông C, đã bị chính quyền, Công an xã răn đe, giáo dục nhưng ông không thay đổi.

Nay xét thấy bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ sống chung, không chịu đựng được bạo lực gia đình nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn C.

Về con chung: Giữa bà và ông C có bốn người con chung như trên. Tuy nhiên, đối với con chung là Ngô Thị H, sinh năm 1993 nhưng giấy khai sinh ghi sinh ngày 08/7/1992 là không chính xác, không đúng với ngày tháng năm sinh thực tế. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, tự lao động nuôi bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, bà trình bày giữa bà và ông C có một số tài sản chung là các ngư, lưới cụ và nhà ở, quyền sử dụng đất tại thửa đất 1176, tờ bản đồ số 1, diện tích 60m², loại đất ở nông thôn thuộc thôn P, xã Bình Hải. Bà có yêu cầu Tòa án giải quyết, chia các tài sản này. Tuy nhiên, vào ngày 12/8/2017, bà có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà trình bày giữa bà và ông C có vay tiền tại Ngân hàng N, chi nhánh D, số tiền vay là 80.000.000 đồng, đã trả được một phần, hiện nay còn nợ gốc là 70.300.000 đồng và lãi phát sinh. Số tiền này sử dụng chi tiêu, mua sắm trong gia đình, con trai là Ngô Văn S có sử dụng 1/2 số tiền vay. Bà có yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này, mỗi người có nghĩa vụ trả một nửa cho Ngân hàng. Tuy nhiên, vào ngày 12/8/2017, bà rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này vì đã thỏa thuận trả nợ với Ngân hàng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất giữa ông và bà Đ có quan hệ sống chung như vợ chồng từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và việc bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông là do bản thân ông đi biển, mỗi lần về có nhậu nhật và đã nhiều lần ông đánh đập bà Đ. Vào tháng 3 năm 2017, giữa ông và bà có xảy ra việc cãi vã, ông có đánh bà Đ gây thương tích, phải điều trị tại bệnh viện, riêng bản thân ông bị Công an xã Bình H triệu tập đến làm việc nhưng vì lo sợ nên ông bỏ trốn và bị tai nạn.

Bản thân ông thừa nhận ông có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh đập bà Đ, ông thừa nhận bản thân ông đã bị chính quyền địa phương nhắc nhở, Công an xã mời đến làm việc, giáo dục nhiều lần. Ông thấy rằng việc ông đánh đập bà Đ là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ, ông bà cũng đã lớn tuổi. Trường hợp bà Đ vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông thừa nhận mình có gây bạo lực gia đình, ông cam kết không đánh bà, mong muốn bà tha thứ và bỏ qua. Nếu ông vi phạm thì bà có quyền yêu cầu ly hôn với ông.

Về con chung: Ông thống nhất giữa ông và bà Đ có bốn người con chung, hiện nay các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông thống nhất giữa ông và bà Đ có một số tài sản như bà Đ trình bày. Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng các ngư, lưới cụ. Trường hợp ly hôn thì nhà ở và quyền sử dụng đất giao lại cho con sử dụng, ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà Đ có vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh D, số tiền vay là 80.000.000 đồng, đã trả được một phần, hiện nay còn nợ gốc là 70.300.000 đồng. Trong số tiền này, con trai Ngô Văn S sử dụng 40.000.000 đồng nên có trách nhiệm trả, số tiền còn lại ông với bà Đ mỗi người trả một nửa.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Tại văn bản phúc đáp Thông báo thụ lý vụ án và qua làm việc, Ngân hàng N, chi nhánh D có ý kiến như sau:

Vào ngày 19/7/2016, bà Đ, ông C có ký hợp đồng vay vốn số: 4511LAV201601919, với nội dung:

- Số tiền vay là 80.000.000 đồng;
- Mục đích vay là mua sắm ngư, lưới cụ, tiêu dùng;
- Thời hạn vay vốn: 05 năm (đến hạn ngày 19/7/2021); Lãi suất: 7%/năm;

Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất tại thôn P, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành N 123716, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01634/QSDD/581/QĐ – UB (H), ngày 26 tháng 12 năm 1998, do ông Ngô Văn C đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận.

Vào ngày 31/5/2017, ông Đ và bà C có trả được số tiền gốc là 9.700.000 đồng. Tính đến hết ngày 28/7/2017, vợ chồng bà Đ, ông C còn dư nợ gốc là: 70.300.000 đồng; lãi trong hạn: 1.151.000 đồng, lãi quá hạn: 9.265 đồng. Tổng số tiền gốc còn nợ và lãi tính đến ngày 28/7/2017 là 71.460.256 đồng.

Tại biên bản làm việc vào ngày 01/9/2017, Ngân hàng N, chi nhánh D đồng ý với việc rút yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ này của bà Đ, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập. Trường hợp bà Đ, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn S trình bày như sau:

Vào tháng 9 năm 2016, ông C, bà Đ có vay tiền tại Ngân hàng N, chi nhánh D, số tiền vay là 80.000.000 đồng, trong đó anh có sử dụng một nửa số tiền vay, mục đích là góp vốn chung ghe với người khác và mua ngư, lưới cụ. Nay giữa ông C, bà Đ ly hôn thì anh đồng ý hoàn trả 40.000.000 đồng cho ba mẹ để trả nợ cho Ngân hàng.

Hiện nay bà Đ rút yêu cầu giải quyết nợ, Ngân hàng không yêu cầu trả nợ thì anh không có ý kiến gì, số tiền mà anh đã sử dụng anh sẽ hoàn trả lại cho cha mẹ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án và những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, đã có lời trình bày, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa tham gia hòa giải, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ là không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Phan Thị Đ được ly hôn ông Ngô Văn C;

+ Về quan hệ con chung: Xét thấy các con chung giữa bà Đ với ông C đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó bà rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung;

+ Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày có nợ Ngân hàng và yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó rút yêu cầu, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập và đồng ý với việc rút yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của nguyên đơn.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn C đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, đã có lời trình bày và được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ngô Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phan Thị Đ và ông Ngô Văn C đều thống nhất ông bà có quan hệ sống chung như vợ chồng từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Bình H, huyện B thể hiện bà Đ và ông C có quan hệ hôn nhân thực tế, sống chung như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc bà Đ và ông C không có đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ hôn nhân thực tế, xác lập trước ngày 03/01/1987, căn cứ vào điểm b, khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông C là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C vì bà cho rằng ông C nhiều lần đánh đập, gây bạo lực gia đình, bản thân ông C thừa nhận ông có đánh đập bà Đ nhưng ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù ông C không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình, vẫn tiếp tục đánh đập bà Đ. Qua làm việc với UBND xã Bình H, Hội liên hiệp phụ nữ xã Bình H thì xác định rằng ông C nhiều lần đánh đập bà Đ, đã bị xử phạt đối với hành vi bạo lực gia đình nhưng ông không thay đổi. Bản thân ông C mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cam kết không đánh đập bà Đ nhưng trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông vẫn tiếp tục đánh bà. Việc ông C có hành vi bạo lực gia đình là vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử cho bà Phan Thị Đ được ly hôn ông Ngô Văn C.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà Đ và ông C đều thống nhất, xác định giữa ông bà có bốn con chung, gồm: Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1988; Ngô Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1992; Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1992 và Ngô Thị N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1995. Riêng đối với con chung là Ngô Thị H có năm sinh thực tế là 1993 nhưng giấy khai sinh ghi ngày 08/7/1992 là không chính xác. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, bà Đ và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, bà Đ trình bày giữa bà và ông C có tài sản chung là các ngư, lưới cụ, nhà ở, quyền sử dụng đất ở nông thôn, bà Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết, chia các tài sản chung này. Tuy nhiên, vào ngày 12/8/2017, bà có đơn rút một phần yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Xét thấy việc bà Đ rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[5] Về quan hệ nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ và ông C đều thừa nhận ông bà có vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh D số tiền là 80.000.000 đồng, đã trả được một phần nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là

70.300.000 đồng. Trong số tiền này, con trai là Ngô Văn S sử dụng 40.000.000 đồng, số tiền còn lại vợ chồng sử dụng mua sắm ngư, lưới cụ và tiêu dùng. Vào ngày 12/8/2017, bà Đ có đơn rút yêu cầu giải quyết khoản nợ này. Qua làm việc với Ngân hàng N, chi nhánh D thì Ngân hàng đồng ý với việc rút đơn này, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ này và cũng không có yêu cầu độc lập. Trường hợp bà Đ không thực hiện việc trả nợ như cam kết thì Ngân hàng sẽ khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết về nợ là hoàn toàn tự nguyện, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của bà Đ.

[6] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn là phù hợp với nhận định của Hội Đg xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 1.242.500 đồng bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0003296 ngày 26/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Còn phải hoàn trả lại cho bà Phan Thị Đ số tiền là 942.500 đồng (*chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, , điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 227, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1967, nơi cư trú: xóm 2, thôn P, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi được ly hôn ông Ngô Văn C, sinh năm 1968, nơi cư trú: xóm 2, thôn P, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về quan hệ con chung: Xác định giữa bà Phan Thị Đ và Ngô Văn C có bốn con chung, gồm: Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1988; Ngô Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1992; Ngô Thị H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1992 và Ngô Thị N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, bà Đ và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa bà Phan Thị Đ và ông Ngô Văn C. Bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông C bằng một vụ án khác.

4. Về quan hệ nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về nợ chung của bà Phan Thị Đ đối với khoản nợ tại Ngân hàng N, chi nhánh D. Trường hợp bà Đ, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này bằng một vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ phải chịu **300.000 đồng** (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 1.242.500 đồng bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0003296 ngày 26/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Còn phải hoàn trả lại cho bà Phan Thị Đ số tiền là **942.500 đồng** (*chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Án xử công khai có mặt bà Phan Thị Đ, anh Ngô Văn S; vắng mặt ông Ngô Văn C và đại diện Ngân hàng N. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2017).

Riêng ông Ngô Văn C và Ngân hàng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Kiều Trung

